TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HÀ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05/12/2022
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Chiến**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Xuân**

2. Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Đào Thị L**, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Đào Thị L trình bày: chị và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 30/6/2006 tại UBND thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra xô xát, cãi vã. Chị và anh T đã cố gắng tiếp tục chung sống vì con cái, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng chị đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, vun vén cho hạnh phúc gia đình. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: quá trình chung sống, chị Đào Thị L và anh Phạm Văn T có 02 con chung là cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 22/11/2006 và Phạm Thùy T1, sinh ngày 28/9/2010. Sau khi chị L và anh T sống ly thân (chị L về nhà bố mẹ đẻ), hai con chung ở với anh T. Nay ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1. Chị L không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: theo nội dung chị L trình bày chị và anh Phạm Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Tòa án: chị Đào Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Văn T. Nhưng anh T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án không có quan điểm của anh Phạm Văn T về yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị L cũng như quan điểm về việc nuôi con chung, giải quyết tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

Ngày 20/7/2022, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của 02 cháu Phạm Tiến Đ và Phạm Thùy T1. Kết quả được biết, hiện chị L và anh T đã ly thân, không còn ở với nhau nữa. Nếu chị L và anh T ly hôn, cháu Đ muốn được ở với bố là anh T, cháu T1 muốn được ở với mẹ là chị L.

Ngày 22/7/2022, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị Đào Thị L và anh Phạm Văn T. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: chị Đào Thị L và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 30/5/2006 tại UBND thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, chị L và anh T sinh sống tại hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn hay xảy ra cãi vã. Đến đầu năm 2022 thì chị L và anh T đã ly thân. Về con chung: chị Đào Thị L và anh Phạm Văn T có 02 con chung là cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 22/11/2006 và cháu Phạm Thùy T1, sinh năm 28/9/2010. Hiện 02 cháu đang ở với anh T, do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng.

- Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị L. Về tình cảm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị L đối với anh Phạm Văn

Tiến. Về con chung: 02 cháu Phạm Tiến Đ và Phạm Thùy T1 mặc dù đang ở với bố, nhưng nguyện vọng của cháu T1 là muốn được ở với mẹ, cháu Đ muốn được ở với bố. Do đó đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho chị L nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có quan điểm, nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung: theo nội dung chị L trình bày chị và anh Phạm Văn T không có tài sản chung và nợ chung, anh T trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến quan điểm về tài sản chung và nợ chung vợ chồng, do đó Tòa án không xem xét giải quyết. Nguyên đơn, chị Đào Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: đây là tranh chấp hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Phạm Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện H, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Đào Thị L có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là anh Phạm Văn T. Nhưng anh T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Việc Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh T, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, nội dung bản tự khai của chị Đào Thị L, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: năm 2006, chị Đào Thị L và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn và chung sống theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt không có nội dung lời khai thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên căn cứ nội dung xác minh tại chính quyền địa phương phù hợp với nội dung trình bày của chị Đào Thị L, Hội đồng xét xử thấy: nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh T là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Cả hai không có biện pháp khắc phục, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài từ năm 2013 đến đầu năm 2022 cả hai đã sống ly thân. Từ đó đến nay, cuộc sống

vợ chồng thực tế không diễn ra, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị L đối với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: mặc dù sau khi vợ chồng ly thân, cả hai con chung đều ở cùng anh Phạm Văn T. Tuy nhiên, theo yêu cầu của chị Đào Thị L về việc được nuôi con chung Phạm Thùy T1 phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, hơn nữa cháu T1 là con gái việc chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu sẽ đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện; anh T không có quan điểm về việc nuôi con chung, cháu Phạm Tiến Đ đang do anh T nuôi dưỡng và có nguyện vọng muốn ở với bố. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là Phạm Thùy T1, sinh ngày 28/9/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Phạm Tiến Đ, sinh ngày 22/11/2006 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu giải quyết, anh T không có quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Về tài sản chung và nợ chung: theo nội dung chị Đào Thị L trình bày chị và anh Phạm Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có quan điểm, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Đào Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Đào Thị L:

-Về quan hệ hôn nhân: chị Đào Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: giao con chung là Phạm Thùy T1, sinh ngày 28/9/2010 cho chị Đào Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung là Phạm Tiến Đ, sinh ngày 22/11/2006 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đào Thị L và anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền

thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được phép cản trở.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Đào Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0013580 ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]Về quyền kháng cáo: chị Đào Thị L và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh;
- UBND thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Minh Chiến